TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH KHOA Y - DƯỢC

ĐGMH_BM 1a

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Học phần Định hướng cơ bản chuyên khoa nội tổng quát (650960)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (01 -)/DA15YDKA

CBGD: Ngô Thị Thanh Quýt (YH226)

Hình thức đánh giá: thực tế

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc: 14/01/2022

Phòng thi: HV Phòng Nhóm

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	116015025	Huỳnh Ngọc Nhân	Ái	13/11/1997	Nữ	7.3	7.0	7.2				
2	116015027	Bùi Thị Kim	Anh	12/11/1997	Nữ	6.7	8.0	7.4				
3	116015028	Lê Thị Vân	Anh	13/10/1996	Nữ	6.8	7.5	7.2				
4	116015029	Nguyễn Nguyên	Anh	17/09/1996	Nữ	6.8	7.0	6.9				
5	116015031	Dương Quốc	Bảo	02/03/1996	Nam	7.0	7.0	7.0				
6	116015033	Đặng Minh	Chính	19/12/1995	Nam	6.0	7.5	6.8				
7	116015036	Lê Bình	Duy	11/11/1997	Nam	6.8	7.0	6.9				
8	116015037	Nguyễn Ngọc	Duy	23/04/1997	Nam	6.9	7.5	7.2				
9	116015041	Lý Thành	Diều	28/12/1997	Nam	8.2	7.5	7.9				
10	116015046	Lê Thanh	Huy	17/08/1997	Nam	8.2	7.5	7.9				
11	116015054	Huỳnh Thị Mỹ	Lan	27/10/1997	Nữ	8.1	7.5	7.8				
12	116015056	Nghiêm Gia	Linh	21/04/1997	Nữ	7.1	7.0	7.1				
13	116015057	Nguyễn Chí	Linh	08/09/1996	Nam	7.0	7.0	7.0				
14	116015059	Huỳnh Song	My	19/12/1997	Nữ	8.4	7.0	7.7				
15	116015061	Huỳnh Thị Như	Ngọc	04/12/1997	Nữ	7.1	7.0	7.1				
16	116015063	Huỳnh Hữu	Nhân	22/07/1995	Nam	7.1	7.5	7.3				
17	116015065	Nguyễn Hồ Thảo	Nhi	15/11/1997	Nữ	7.2	8.5	7.9				
18	116015067	Huỳnh	Như	23/12/1997	Nữ	7.1	7.0	7.1				
19	116015069	Hồ Thiện	Phúc	13/12/1997	Nam	8.4	7.0	7.7				
20	116015070	Lê Thị Diễm	Phương	31/05/1997	Nữ	8.4	7.0	7.7				
21	116015071	Lê Nhật	Quang	19/09/1996	Nam	8.1	7.5	7.8				
22	116015072	Nguyễn Hoàng Anh	Quân	27/01/1997	Nam	5.5	7.0	6.3				
23	116015073	Huỳnh Ngọc	Quí	12/11/1996	Nam	7.9	9.0	8.5				
24	116015074	Lý Trọng	Quí	00/00/1991	Nam	5.4	7.5	6.5				
25	116015075	Nguyễn Thái Thanh	Sơn	15/03/1997	Nam	7.9	7.5	7.7				
26	116015080	Nguyễn Ngọc Minh	Tâm	15/05/1997	Nam	8.1	7.0	7.6				
27	116015085	Huỳnh Thị Mỹ	Tú	22/06/1996	Nữ	5.1	7.5	6.3				
28	116015087	Nguyễn Tân	Thạnh	02/02/1996	Nam	8.4	8.0	8.2				
29	116015088	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	06/03/1997	Nữ	7.7	7.5	7.6				
30	116015092	Đinh Quốc	Thịnh	12/04/1997	Nam	6.8	7.0	6.9				
31	116015094	Lê Thụy Bảo	Thy	12/02/1997	Nữ	8.6	7.0	7.8				
32	116015095	Đỗ Trần Thùy	Trang	06/07/1997	Nữ	7.6	7.5	7.6				
33	116015096	Nguyễn Lê Ngọc	Trâm	28/08/1997	Nữ	8.1	7.5	7.8				
34	116015104	Nguyễn Phương Quỳnh	Xuân	22/01/1997	Nữ	8.4	9.0	8.7				
35	116015108	Nguyễn Thị Minh	Thư	11/10/1996	Nữ	7.6	7.5	7.6				
36	116015112	Huỳnh Phước	Lộc	17/05/1996	Nam	8.4	9.0	8.7				
37	116015120	Nguyễn Trường	Thịnh	18/5/1996	Nam	7.3	7.5	7.4				
38	116015121	Lê Quang	Khải	12/02/1997	Nam	6.7	7.0	6.9				
39	116015122	Nguyễn Thị Thùy	Ánh	30/01/1997	Nữ	8.4	7.0	7.7				
40	116015123	Trương Việt	Lam	30/07/1997	Nữ	8.4	7.0	7.7				

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH KHOA Y - DƯỢC

ĐGMH_BM 1a

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Học phần Định hướng cơ bản chuyên khoa nội tổng quát (650960)

Hình thức đánh giá: chuyên đề

Số tín chỉ 3

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 14 / 01 / 2022

Nhóm/Lớp: (01 -)/DA15YDKA

CBGD: Ngô Thị Thanh Quýt (YH226)

Phòng thi: KT Thống Nhất

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
41	116015124	Nguyễn Dương Diệu	Ý	31/10/1997	Nữ	7.9	8.5	8.2		[signature]		
42	116015125	Đặng Thùy	Linh	09/09/1997	Nữ	7.9	8.5	8.2		[signature]		
43	116015126	Võ Phúc	Thịnh	10/10/1996	Nam	5.7	7.5	6.6		[signature]		
44	116015127	Lê Quốc	Nhi	15/11/1997	Nam	6.5	7.5	7.0		[signature]		
45	116015129	Huỳnh Lê Mỹ	Tiên	08/06/1997	Nữ	8.4	7.0	7.7		Tien		
46	116015130	Võ Thị Thúy	Ngân	08/03/1997	Nữ	8.1	8.5	8.3		[signature]		
47	116015131	Trần Đức	Thi	03/11/1997	Nam	7.9	8.5	8.2		[signature]		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 47

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 47

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:..........

Tổng số tờ:............................

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 01 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: [signature] Thạch Cái Nhất

Cán bộ ghi điểm: [signature] Thạch Cái Nhất

Cán bộ coi thi 2: [signature] Nguyễn Thị Mộng Trinh

Cán bộ kiểm tra: [signature]

Ngày in : 21/03/2022 16:10

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
KHOA Y - DƯỢC

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Học phần Định hướng cơ bản chuyên khoa nội tổng quát (650960)

Số tín chỉ3

Nhóm/Lớp: (01 -)/DA15YDKB

CBGD: Ngô Thị Thanh Quýt (YH226)

Hình thức đánh giá: chuyên đề

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 14/01/2022

Phòng thi: BV Thống Nhất

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	116015026	Nguyễn Văn	An	24/08/1996	Nam	9.0	7.0	8.0				
2	116015032	Nguyễn Võ Kim	Cương	18/03/1996	Nữ	9.0	7.0	8.0				
3	116015034	Nguyễn Văn	Chương	06/12/1997	Nam	9.0	7.5	8.3				
4	116015035	Trần Hữu	Danh	03/12/1996	Nam	9.1	7.0	8.1				
5	116015038	Tạ Thụy Thùy	Dương	06/12/1997	Nữ	8.6	7.5	8.1				
6	116015039	Trần Văn	Đại	16/11/1996	Nam	8.7	7.1	7.9				
7	116015042	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	10/10/1996	Nữ	7.8	7.5	7.7				
8	116015043	Võ Thị Tú	Hảo	19/09/1997	Nữ	8.8	7.9	8.4				
9	116015044	Trịnh Như	Hảo	16/02/1995	Nữ	9.0	7.0	8.0				
10	116015045	Phạm Thị	Hiền	06/05/1994	Nữ	8.4	6.2	7.3				
11	116015047	Trần Quốc	Huy	05/09/1997	Nam	8.8	7.0	7.9				
12	116015049	Phan Thị Thúy	Huỳnh	21/10/1994	Nữ	8.1	7.5	7.8				
13	116015052	Phan Nguyễn Vương	Khang	30/11/1997	Nam	8.6	7.5	8.1				
14	116015055	Nguyễn Trúc	Linh	27/02/1997	Nữ	9.0	7.0	8.0				
15	116015058	Trần Phước	Minh	19/02/1997	Nam	9.0	7.0	8.0				
16	116015060	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	14/05/1997	Nữ	8.9	7.0	8.0				
17	116015062	Võ Đinh	Nguyên	14/04/1997	Nam	9.1	7.0	8.1				
18	116015064	Võ Huỳnh	Nhi	02/01/1996	Nữ	9.0	7.0	8.0				
19	116015066	Nguyễn Thị Cẩm	Nhi	02/09/1997	Nữ	8.6	7.5	8.1				
20	116015068	Trần Hữu	Phát	06/01/1997	Nam	7.5	7.8	7.7				
21	116015076	Quách Tấn	Tài	16/05/1997	Nam	9.0	7.5	8.3				
22	116015078	Phạm Anh	Tài	08/05/1996	Nam	9.0	6.6	7.8				
23	116015079	Trần Thị Minh	Tâm	14/10/1997	Nữ	8.6	7.0	7.8				
24	116015081	Võ Thành	Tân	24/05/1997	Nam	9.0	7.5	8.3				
25	116015082	Tăng Thành	Tấn	23/06/1997	Nam	7.7	7.5	7.6				
26	116015086	Uông Thị Thanh	Tuyền	15/01/1997	Nữ	8.8	7.0	7.9				
27	116015089	Nguyễn Thị Bích	Thảo	24/09/1997	Nữ	9.0	7.4	8.2				
28	116015090	Nguyễn Thị Thu	Thảo	21/01/1996	Nữ	7.7	7.0	7.4				
29	116015091	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	15/05/1997	Nữ	9.0	7.5	8.3				
30	116015093	Võ Dan	Thuận	22/06/1997	Nam	9.0	6.6	7.8				
31	116015098	Sơn Minh	Trí	15/06/1997	Nam	9.0	7.5	8.3				
32	116015099	Nguyễn Thị	Trinh	19/09/1997	Nữ	8.6	8.3	8.5				
33	116015100	Phạm Thị Việt	Trinh	04/06/1997	Nữ	8.8	7.0	7.9				
34	116015103	Trần Vũ	Vinh	22/04/1997	Nam	9.0	7.1	8.1				
35	116015105	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	15/09/1997	Nữ	8.4	8.6	8.5				
36	116015107	Nguyễn Ngọc Thu	Huỳnh	29/02/1996	Nữ	9.0	7.5	8.3				
37	116015109	Thạch Thị Chanh	Thy	03/02/1995	Nữ	9.0	7.0	8.0				
38	116015111	Huỳnh Thị Ngọc	Tuyền	29/01/1996	Nữ	7.7	7.5	7.6				
39	116015113	Chao Thanh Thảo	Linh	20/03/1996	Nữ	8.6	7.5	8.1				

ĐGMH_BM 1a

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH KHOA Y - DƯỢC

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Hình thức đánh giá: chuyên đề

Học phần Định hướng cơ bản chuyên khoa nội tổng quát (650960)

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 14/01/2022

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (01 -)/DA15YDKB

Phòng thi: HT BV Thống Nhất

CBGD: Ngô Thị Thanh Quýt (YH226)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
40	116015114	Đinh Tô	Ny	21/11/1996	Nam	9,0	8,6	8.8		Ny		
41	116015132	Trần Ngọc Ái	Trân	27/10/1997	Nữ	9,0	7,4	8.2		Trân		
42	116015133	Trương Thị Tường	Vy	26/08/1996	Nữ	9,0	7,0	8.0		Vy		
43	116015135	Nguyễn Thị Thu	Thảo	18/03/1993	Nữ	9,0	7,0	8.0		Thảo		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 43

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 43

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:..........

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 01 năm 2022

Tổng số tờ:............................

Cán bộ coi thi 1: Thạch Cao Nhân

Cán bộ ghi điểm: Thạch Cao Nhân

Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Thị Hồng Trinh

Cán bộ kiểm tra: ...

Ngày in : 21/03/2022 16:10

D.1 114

ĐGMH_BM 1a

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
KHOA Y - DƯỢC

Anh Đào

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Học phần Sinh lý bệnh - Miễn dịch (650547)

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 01/03/2022

Số tín chỉ 2

Phòng thi: D.1.114

Nhóm/Lớp: (07 -)/DA20DA

CBGD: Thạch Cao Nhân (00692)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	115620002	Tường Kim	Ánh	19/11/1994	Nữ	8,0	6.4	7,2			Liên Thông	
2	115620003	Trần Thị Kim	Bình	16/03/1998	Nữ	8,5	6.2	7,4			Liên Thông	
3	115620004	Bùi Thị Trúc	Duyên	15/10/1995	Nữ	6,5	5.6	5,6			Liên Thông	
4	115620007	Lưu Anh	Khoa	25/10/1999	Nam	8,5	5.8	7,2			Liên Thông	
5	115620009	Lê Thị Yến	Linh	28/06/1999	Nữ	9,0	6.2	7,6			Liên Thông	
6	115620010	Phan Dương Thảo	Ly	18/10/1995	Nữ	8,0	6.2	7,1			Liên Thông	
7	115620011	Đỗ Đặng Kim	Ngân	24/01/1999	Nữ	9,0	8.0	8,5			Liên Thông	
8	115620014	Phạm Thị Kim	Ngọc	09/04/1999	Nữ	8,5	6.6	7,6			Liên Thông	
9	115620016	Lê Thị Yến	Nhi	08/09/1998	Nữ	6,0	8.4	7,2			Liên Thông	
10	115620017	Nguyễn Thị Yến	Nhi	01/10/1997	Nữ	4,0	7.8	5,9			Liên Thông	
11	115620019	Lâm Thị Hồng	Phúc	15/04/1996	Nữ	6,0	5.6	5,8			Liên Thông	
12	115620022	Nguyễn Ngọc Diễm	Quyên	17/01/1998	Nữ	6,5	5.0	5,8			Liên Thông	
13	115620024	Nguyễn Thị Hồng	Thảo	11/03/1996	Nữ	7,5	5.2	6,4			Liên Thông	
14	115620025	Nguyễn Thanh	Thư	05/01/1999	Nữ						Liên Thông	0,0
15	115620026	Huỳnh Lê Kiều	Tiên	05/11/1998	Nữ	7,0	8.6	7,8			Liên Thông	
16	115620027	Lê Thị Thùy	Trang	06/01/1996	Nữ	7,0	6.6	6,8			Liên Thông	
17	115620028	Đoàn Ngọc	Trâm	28/01/1997	Nữ	8,0	6.2	7,1			Liên Thông	
18	115620029	Bùi Tố	Trân	09/09/1999	Nữ	6,0	7.8	6,9			Liên Thông	
19	115620033	Lê Nhật	Tùng	17/11/1991	Nam	9,0	7.8	8,4			Liên Thông	
20	115620034	Nguyễn Thị Thu	Uyên	13/08/1999	Nữ	8,5	8.2	8,4			Liên Thông	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....

Tổng số tờ:.....

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 03 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Anh Đào

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:

Ngày in : 01/03/2022 10:29

D71.104
ĐGMH_BM 1a

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
KHOA Y - DƯỢC

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần - Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Hình thức đánh giá: TL

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc: 01/03/2022

Phòng thi: D71.104

Học phần Sinh lý bệnh - Miễn dịch (650547)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (02 -)/DA19YKA

CBGD: Thạch Cao Nhân (00692)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	116019001	H' Hậu Yun	Yũn	10/04/2000	Nữ	6,0	6,6	6,3				
2	116019002	K' Nhật	Linh	21/10/2000	Nam	6,5	5,8	6,2				
3	116019004	Sơn Trung	Nhân	01/08/2000	Nam	5,0	5,8	5,4				624
4	116019006	Kim Minh	Sơn	04/10/2000	Nam	4,3	3,8	4,1				000
5	116019008	Huỳnh Thị Hồng	Duyên	12/04/2000	Nữ	8,0	7,0	7,5				
6	116019009	Lâm Phúc	Khang	07/04/2000	Nam	3,5	4,4	4,0				
7	116019010	Bùi Kiến	Quốc	22/09/2000	Nam	7,5	5,0	6,3				
8	116019011	Thái Anh	Tú	18/02/2000	Nam	7,0	5,4	6,2				0,00
9	116019033	Trần Tiểu	Bảo	16/08/1999	Nam	6,5	4,6	5,6				0
10	116019054	Trần Nguyễn Anh	Duy	15/10/2001	Nam	7,0	4,8	5,9				
11	116019066	Lê Thanh	Hải	15/11/1999	Nam	5,0	5,8	5,4				
12	116019070	Lê Gia	Hân	03/03/2001	Nữ	8,0	5,8	6,9				
13	116019079	Trần Hồng	Hòa	17/03/2001	Nam	8,0	5,4	6,7				
14	116019113	Trần Thái	Kiên	15/06/2001	Nam	7,5	4,8	6,2				0,00
15	116019114	Nguyễn Lê Diễm	Kiều	21/05/2001	Nữ	5,0	6,6	5,8				0
16	116019115	Vương Nguyễn Hoàng	Kim	25/12/2001	Nữ	7,5	5,0	6,3				
17	116019116	Nguyễn Phước	Lâm	22/09/2001	Nam	8,5	6,0	7,3				
18	116019117	La Hồng	Liêm	03/03/1995	Nam	6,0	7,6	6,8				
19	116019125	Phùng Hoàng	Long	08/03/2001	Nam	7,0	6,4	6,7				
20	116019128	Nguyễn Đặng Minh	Lợi	22/08/2001	Nam	5,0	4,6	4,8				
21	116019139	Trần Hoài	Mộng	10/06/2001	Nữ	7,5	7,4	7,5				
22	116019140	Đỗ Thảo	My	06/01/2001	Nữ	7,0	6,6	6,8				
23	116019146	Phạm Thành	Nam	04/07/1993	Nam	8,0	7,8	7,9				
24	116019169	Nguyễn Thành	Nhật	08/10/1998	Nam	6,0	8,0	7,0				
25	116019174	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	17/04/2001	Nữ	6,0	7,2	6,6				
26	116019180	Võ Thị Yến	Nhi	11/07/2001	Nữ	7,5	8,0	7,8				

Tổng số sv, hs trên danh sách: 26

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 26

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 26

Tổng số tờ: 26

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 03 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Trần Ngọc Thiên

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ kiểm tra:

DH. 105

ĐGMH_BM 1a

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH KHOA Y - DƯỢC

Kim Ngọc

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Hình thức đánh giá: TH

Học phần Sinh lý bệnh - Miễn dịch (650547)

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

Số tín chỉ 2

01/03/2022

Nhóm/Lớp: (02 -)/DA19YKA

Phòng thi: DH.105

CBGD: Thạch Cao Nhân (00692)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	116019181	Đỗ Hồng	Nho	23/07/2001	Nữ	5,0	4,6	4.8				
2	116019205	Nguyễn Hồng	Phượng	09/02/2000	Nữ	5,5	7,0	6.3				
3	116019206	Nguyễn Thiện	Quang	18/03/2001	Nam	6,5	4,4	5.5				
4	116019209	Châu Huỳnh	Quý	09/02/2001	Nam	7,5	5,8	6.7				
5	116019214	Trần Tấn	Tài	13/04/2001	Nam	7,0	4,8	5.9				
6	116019221	Vũ Thị Diệu	Thanh	17/05/2001	Nữ	8,0	5,6	6.8				
7	116019226	Lê Vĩnh	Thịnh	23/06/2001	Nam	6,5	4,6	5.6				
8	116019231	Nguyễn Thị Kim	Thu	22/09/2000	Nữ	7,5	5,0	6.3				
9	116019240	Nguyễn Thị Anh	Thư	10/06/2000	Nữ	7,5	6,2	6.9				
10	116019249	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	20/04/2001	Nữ	6,0	6,2	6.1				
11	116019253	Nguyễn Ngọc	Tiền	31/12/2001	Nữ	8,0	7,4	7.7				
12	116019255	Huỳnh Trung	Tính	25/05/2000	Nam	4,5	6,4	5.5				
13	116019266	Trần Thị Kiều	Trang	21/10/1997	Nữ	7,5	7,0	7.3				
14	116019267	Võ Quỳnh	Trang	16/05/2000	Nữ	8,5	5,4	7.0				
15	116019271	Mai Lê Ngọc	Trâm	14/12/2001	Nữ	6,5	6,2	6.4				
16	116019292	Lê Tường	Vi	13/03/2001	Nữ	7,5	8,8	8.2				
17	116019298	Lê Long	Vũ	14/10/2001	Nam	6,0	5,4	5.7				
18	116019380	Chhun	Lypor	12/10/1995	Nam	3,3	4,6	4.0				
19	116019381	Sou	Matra	18/08/1994	Nam	5,5	3,8	4.7				4.7
20	116019382	Dos	Peti	01/10/1988	Nam	3,8	3,6	3.7				
21	116019409	Lý Thị Nguyên	Anh	09/09/2001	Nữ	4,5	5,2	4.9				
22	116019416	Lê Thị Hồng	Nhung	04/04/2000	Nữ	6,0	5,2	5.6				
23	116019429	Nguyễn Thanh	Vân	25/03/2001	Nữ	8,0	5,8	6.9				
24	116019432	Nguyễn Hiếu	Duy	21/01/2000	Nam	7,0	7,0	7.0				
25	116019437	Chem	Chakrey a	02/09/1993	Nữ	4,5	5,0	4.8				

Tổng số sv, hs trên danh sách: 25

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 25

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 03 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:

Ngày in : 01/03/2022 10:29

D11.106

ĐGMH_BM 1a

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH KHOA Y - DƯỢC

Xuân Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Học phần Sinh lý bệnh - Miễn dịch (650547)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (03 -)/DA19YKB

CBGD: Tào Gia Phú (00604)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 01/3/2022

Phòng thi: D11.106

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	116019014	Siu	Lơk	20/08/1996	Nam	8,0	5.4	6.7				
2	116019018	Nguyễn Phạm Thúy	An	27/02/2001	Nữ	7,0	7.2	7.1				
3	116019021	Trần Triệu Phước	An	26/06/2001	Nam	8,0	7.6	7.8				
4	116019024	Lý Vân	Anh	19/04/2000	Nữ	7,0	5.6	6.3				
5	116019027	Phạm Kiều	Anh	24/05/2001	Nữ	6,5	5.6	6.1				
6	116019036	Nguyễn Phạm Như	Bình	17/05/2001	Nữ	6,5	6.8	6.7				
7	116019038	Bùi Dương Gia	Cầm	02/08/2001	Nữ	8,0	8.6	8.3				
8	116019043	Kim Hoàng	Chinh	01/01/2001	Nam	8,0	6.4	7.2				
9	116019057	Trần Thị Cẩm	Duyên	29/01/2001	Nữ	6,0	7.2	6.6				
10	116019058	Lâm Trường	Dư	22/01/2001	Nam	7,5	7.8	7.7				
11	116019059	Trần Thanh	Đãn	01/01/2001	Nam	8,0	7.0	7.5				
12	116019063	Trần Thành	Được	06/06/2001	Nam	6,5	7.0	6.8				
13	116019065	Nguyễn Thị Kim	Hai	14/07/2001	Nữ	7,0	7.4	7.2				
14	116019072	Võ Thị Ngọc	Hân	13/01/2001	Nữ	8,0	5.4	6.7				
15	116019084	Nguyễn Thị Ngọc	Huệ	20/06/2001	Nữ	8,5	7.0	7.8				
16	116019091	Võ Thị Thúy	Huỳnh	21/02/2000	Nữ	5,5	6.0	5.8				
17	116019093	Trần Thị Kim	Hương	14/02/2001	Nữ	8,0	7.2	7.6				
18	116019096	Mai Trần Minh	Khang	09/04/2001	Nam	6,5	6.2	6.4				
19	116019098	Võ Chí	Khang	15/09/2001	Nam	6,5	7.6	7.1				
20	116019102	Phan Hữu	Khánh	12/03/2001	Nam	8,0	6.4	7.2				
21	116019107	Nguyễn Ngô Đăng	Khoa	09/09/2001	Nam	8,0	6.6	7.3				
22	116019109	Văn Hiển Đăng	Khoa	20/06/2001	Nam	4,0	2.8	3.4				
23	116019127	Mã Tấn	Lợi	11/06/2001	Nam	8,5	7.0	7.8				
24	116019142	Nguyễn Thị Trà	My	02/04/2001	Nữ	6,5	7.0	6.8				370.000
25	116019147	Huỳnh Kim	Ngân	21/09/1999	Nữ	7,5	5.8	6.7				
26	116019150	Phùng Thị Hồng	Ngân	28/12/2001	Nữ	8,0	4.4	6.2				

Tổng số sv, hs trên danh sách: 26

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 26

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 03 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Huỳnh Thị Kiều

Cán bộ ghi điểm: Ngô Thiên Phú

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Thúy

D71. 107

ĐGMH_BM 1a

Luyến

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
KHOA Y - DƯỢC

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Học phần Sinh lý bệnh - Miễn dịch (650547)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (03 -)/DA19YKB

CBGD: Tào Gia Phú (00604)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 01/03/2022

Phòng thi: D71.107

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	116019162	Nguyễn Đào Thùy	Nguyên	22/08/2001	Nữ	6,0	6,0	6.0				
2	116019163	Nguyễn Thái Đông	Nguyên	03/11/2001	Nam	6,5	6,4	6.5				
3	116019168	Nguyễn Anh	Nhật	25/01/2001	Nam	7,0	6,4	6.7				
4	116019170	Bùi Thị Kiều	Nhi	14/10/2001	Nữ	6,5	6,6	6.6				
5	116019173	Nguyễn Huỳnh Thảo	Nhi	09/01/2001	Nữ	7,0	6,8	6.9				
6	116019176	Nguyễn Thảo	Nhi	21/10/2000	Nữ	6,0	5,8	5.9				
7	116019178	Trần Thị Yến	Nhi	17/05/2001	Nữ	8,0	8,8	8.4				
8	116019183	Trần Nguyễn Kiều	Như	09/07/1999	Nữ	8,5	5,2	6.9				
9	116019184	Lâm Huỳnh	Ni	07/11/2000	Nữ	6,0	6,2	6.1				
10	116019185	Tô Hoài	Nương	15/05/2001	Nữ	6,0	7,0	6.5				
11	116019190	Hồ Thị Kiều	Phúc	19/05/2001	Nữ	7,0	7,0	7.0				
12	116019192	Mai Nguyên	Phúc	30/10/2001	Nam	5,5	5,4	5.5				
13	116019196	Trần Gia Diễm	Phúc	05/11/2001	Nữ	8,5	7,0	7.8				
14	116019200	Đỗ Hà	Phương	30/04/2001	Nữ	7,5	5,8	6.7				
15	116019202	Nguyễn Thị Trúc	Phương	14/12/2001	Nữ	7,0	7,2	7.1				
16	116019207	Nguyễn Vũ Nhật	Quang	12/10/2001	Nam	7,5	6,4	7.0				0,00
17	116019215	Nguyễn Ngọc Minh	Tâm	31/05/2001	Nam	8,0	5,6	6.8				
18	116019227	Lê Trần Minh	Thoa	02/06/2000	Nữ	7,0	7,0	7.0				
19	116019236	Bùi Anh	Thư	22/01/2001	Nữ	7,0	7,2	7.1				
20	116019242	Phan Thị Thanh	Thư	20/11/2001	Nữ	6,0	5,8	5.9				
21	116019311	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	25/08/2001	Nữ	7,0	5,4	6.2				
22	116019386	Nguyễn Duy	Khang	07/10/2001	Nam	8,5	5,6	7.1				
23	116019389	Thi Thị Thúy	Uyên	29/02/2000	Nữ	6,0	6,8	6.4				
24	116019397	Lê Trần Trúc	Linh	30/04/2001	Nữ	10,0	6,4	8.2				
25	116019401	Nguyễn Huế	Anh	06/02/2001	Nữ	6,0	7,8	6.9				
26	116019402	Lê Thành	Tý	12/11/2001	Nam	6,0	7,0	6.5				

Tổng số sv, hs trên danh sách: 26

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 26

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 03 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Ngọc Luyến

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:

D71.108

ĐGMH_BM 1a

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH KHOA Y - DƯỢC

Thuy An

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Học phần Sinh lý bệnh - Miễn dịch (650547)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (04 -)/DA19YKC

CBGD: Tào Gia Phú (00604)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 01/3/2022

Phòng thi: D71.108

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	116019160	Phan Hồng	Ngọc	28/08/2001	Nữ	7,5	6,2	6,9				
2	116019161	Trần Thị Hồng	Ngọc	21/02/2001	Nữ	6,5	5,8	6,2				
3	116019166	Phạm Thanh	Nhân	01/10/2001	Nam	7,5	6,4	7,0				
4	116019171	Bùi Thị Uyển	Nhi	27/09/2001	Nữ	7,0	7,8	7,4				
5	116019188	Phùng Hưng	Phát	28/07/2001	Nam	9,5	9,6	9,6				
6	116019193	Nguyễn Huỳnh Trọng	Phúc	19/04/2001	Nam	10,0	10,0	10,0				
7	116019198	Lại Tiểu	Phụng	08/01/2001	Nữ	6,5	7,0	6,8				
8	116019211	Lại Thanh	Sơn	19/08/2001	Nam	7,0	8,4	7,7				
9	116019212	Võ Hồng	Sơn	26/06/2001	Nam	8,5	5,6	7,1				
10	116019213	Vương Trường	Sơn	19/03/2001	Nam	9,0	5,8	7,4				
11	116019223	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02/01/2001	Nữ	5,0	4,0	4,5				0,0
12	116019230	Mai Cẩm	Thu	07/01/2001	Nữ	6,5	7,4	7,0				0,0
13	116019239	Huỳnh Ngọc Anh	Thư	05/12/2001	Nữ	9,0	5,6	7,3				
14	116019245	Trương Thái Anh	Thư	24/01/2001	Nữ	5,5	8,0	6,8				
15	116019256	Bùi Văn	Toàn	06/02/2001	Nam	9,5	9,6	9,6				
16	116019269	Vương Thị Ngọc	Trang	22/11/2001	Nữ	7,0	6,8	6,9				
17	116019385	Dường Huyền	Trân	07/01/2001	Nữ	8,5	4,2	6,4				
18	116019391	Trần Thiên	Phúc	23/08/2001	Nữ	5,0	3,2	4				
19	116019392	Võ Tân	Định	02/04/2001	Nam	5,0	5,2	5,1				
20	116019406	Nguyễn Thị Thùy	Dương	21/08/2001	Nữ	6,5	8,0	7,3				
21	116019408	Nguyễn Ngọc	Hân	29/08/2001	Nữ	6,0	7,4	6,7				
22	116019411	Võ Thị Anh	Chúc	02/05/2000	Nữ	7,0	5,8	6,4				
23	116019421	Trương Lâm	Thành	25/06/2001	Nam	8,5	7,0	7,8				
24	116019423	Thạch Phú	Quí	24/01/2001	Nam	7,5	6,4	7,0				
25	116019424	Võ Tuấn	Khang	29/08/2001	Nam	6,5	6,4	6,5				
26	116019431	Nguyễn Thị Thùy	Dương	24/11/2001	Nữ	7,0	7,8	7,4				

Tổng số sv, hs trên danh sách: 26

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 26

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 26

Tổng số tờ: 26

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 03 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Phạm Thùy An

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

D7.109

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
KHOA Y - DƯỢC

Thu Thảo

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Học phần Sinh lý bệnh - Miễn dịch (650547)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (04 -)/DA19YKC

CBGD: Tào Gia Phú (00604)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

01 / 03 / 2022

Phòng thi: D7.109

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	116019020	Tạ Quốc	An	07/09/2001	Nam	7,5	7,4	7,5				
2	116019035	Lê Tiểu	Bằng	06/04/2001	Nam	6,5	5,0	5,8				
3	116019040	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	05/07/2001	Nữ	6,0	6,4	6,2				0,00
4	116019042	Sơn Minh	Chiến	06/09/2000	Nam	7,5	6,8	7,1				
5	116019050	Huỳnh Hải	Duy	28/11/2001	Nam	6,0	6,8	6,4				0,00
6	116019055	Đỗ Thị Thùy	Duyên	07/01/2001	Nữ	6,5	7,2	6,9				
7	116019061	Nguyễn Thành	Đạt	08/11/2001	Nam	8,0	5,6	6,8				
8	116019069	Trần Thị Bé	Hảo	02/11/2001	Nữ	9,0	6,4	7,7				
9	116019076	Lê Văn	Hiếu	03/12/2000	Nam	8,5	7,0	7,8				
10	116019080	Nguyễn Xuân	Hoài	23/03/2001	Nam	8,0	7,6	7,8				
11	116019085	Hà Nguyễn Quang	Huy	16/02/2001	Nam	8,5	5,8	7,2				
12	116019086	Nguyễn Lê Phúc	Huy	03/02/2001	Nam	8,5	5,2	6,9				
13	116019087	Nguyễn Tấn	Huy	02/10/2001	Nam	7,5	6,2	6,9				
14	116019092	Vương Tấn	Hưng	27/09/2001	Nam	8,5	6,6	7,6				
15	116019100	Lương Gia	Khánh	05/10/2001	Nam	9,5	7,2	8,4				
16	116019103	Trần Quốc	Khánh	14/04/2001	Nam	9,5	7,2	8,4				0,00
17	116019108	Trầm Thái Thành	Khoa	30/04/2001	Nam	8,0	6,0	7,0				624 000
18	116019118	Nguyễn Thị Thúy	Liễu	22/06/2000	Nữ	7,0	7,0	7,0				
19	116019129	Phan Văn Tấn	Luân	02/01/2001	Nam	9,5	8,8	9,2				
20	116019131	Danh Thị Trúc	Ly	14/09/2001	Nữ	7,0	8,2	7,6				
21	116019132	Hồ Quý	Ly	17/09/2000	Nam	6,5	7,4	7,0				
22	116019133	Hồ Thị Tuyết	Mai	06/01/2000	Nữ	6,5	6,0	6,3				
23	116019136	Lê Ngọc	Mẫn	17/10/2001	Nữ	7,0	7,4	7,2				
24	116019151	Nguyễn Hải	Nghi	08/01/2001	Nữ	9,5	6,4	8,0				
25	116019152	Vũ Hiếu	Nghĩa	23/03/2001	Nam	7,5	6,6	7,1		Nghia		
26	116019153	Đinh Nguyễn Kim	Ngọc	28/08/2001	Nữ	9,0	6,2	7,6				

Tổng số sv, hs trên danh sách: 26

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 26

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 26

Tổng số tờ: 26

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 03 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Thu Thảo

Cán bộ ghi điểm: Ng Tiến Phú

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
KHOA Y - DƯỢC

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Học phần Sinh lý bệnh - Miễn dịch (650547)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (05 -)/DA19YKD

CBGD: Tô Kim Phượng (00889)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc: 01/03/2022

Phòng thi: D11.10

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	116019019	Phạm Hoài	An	06/11/2001	Nam	7,0	6,2	6,6				
2	116019022	Dương Nguyễn Triệu	Anh	25/11/2001	Nam	8,5	7,0	7,8				
3	116019023	Lê	Anh	28/03/2000	Nữ	8,0	7,6	7,8				
4	116019026	Phan Thị Minh	Anh	01/10/2001	Nữ	7,5	8,0	7,8				
5	116019028	Lê Thị Quỳnh	Ánh	27/07/2000	Nữ	5,5	7,6	6,6				
6	116019032	Nguyễn Gia	Bảo	29/08/2001	Nam	9,0	9,2	9,1				
7	116019037	Phạm Thanh	Bình	29/10/2001	Nam	5,0	6,8	5,9				
8	116019045	Nguyễn Trí	Cường	10/04/2001	Nam	7,0	4,6	5,8				
9	116019047	Trần Quốc	Duẩn	10/10/2001	Nam	7,0	4,6	5,8				
10	116019048	Đoàn Thanh	Duy	13/11/2001	Nam	5,0	7,8	6,4				
11	116019056	Sơn Thị Mỹ	Duyên	16/02/2000	Nữ	4,0	5,6	4,8				
12	116019067	Nguyễn Hồng	Hạnh	07/11/2001	Nữ	9,5	7,2	8,4				
13	116019071	Nguyễn Thị Kiều	Hân	21/04/2001	Nữ	7,5	7,4	7,5				
14	116019073	Nguyễn Lê Trung	Hậu	17/08/2001	Nam	7,5	4,0	5,8				
15	116019074	Đỗ Minh	Hiền	02/04/2001	Nam	10,0	8,6	9,3				
16	116019078	Phạm Xuân	Hòa	10/03/2001	Nữ	7,0	6,6	6,8				
17	116019083	Nguyễn Thị Mỹ	Huệ	14/12/2001	Nữ	7,0	6,4	6,7				
18	116019088	Phan Đông	Huy	08/07/2001	Nam	8,5	7,0	7,8				
19	116019095	Hồ Tấn	Khang	24/01/2001	Nam	5,5	6,4	6,0				
20	116019097	Tống Tịnh	Khang	17/05/2001	Nam	6,5	8,8	7,7				
21	116019099	Nguyễn Tuấn	Khanh	07/01/2001	Nam	7,5	7,8	7,7				
22	116019106	Nguyễn Minh Đăng	Khoa	04/09/2001	Nam	7,0	4,6	5,8				
23	116019110	Nguyễn Đình	Khôi	25/07/2001	Nam	4,5	4,4	4,5				
24	116019112	Ngô Mạnh	Khương	06/01/2001	Nam	7,5	7,8	7,7				
25	116019119	Huỳnh Nhật	Linh	10/07/2001	Nữ	8,0	6,0	7,0				
26	116019121	Nguyễn Thị Yến	Linh	26/01/2001	Nữ	7,5	6,4	7,0				

Tổng số sv, hs trên danh sách: 26.

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 26.

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 26.

Tổng số tờ: 26

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 03 năm 2022

Cán bộ coi thi 1:

Phạm Nguyễn Tường Vân

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ ghi điểm:

Ngô Thiên Phúc

Cán bộ kiểm tra:

D71.111
ĐGMH_BM 1a

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
KHOA Y - DƯỢC

Bố pha

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Học phần Sinh lý bệnh - Miễn dịch (650547)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (05 -)/DA19YKD

CBGD: Tô Kim Phượng (00889)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 01/03/2022

Phòng thi: D71.111

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	116019130	Nguyễn Đình Minh	Lực	11/06/2001	Nam	7,5	8,8	8,2				
2	116019165	Lâm Hoàng Xuân	Nhả	04/01/2001	Nam	7,5	7,6	7,6				
3	116019177	Tống Thị Thúy	Nhi	04/11/1998	Nữ	5,5	4,4	5,0				
4	116019179	Võ Thị Yến	Nhi	04/09/2001	Nữ	6,5	4,4	5,5				
5	116019189	Nguyễn Hoài	Phong	18/06/2001	Nam	7,5	6,8	7,2				
6	116019194	Nguyễn Thị Mỹ	Phúc	14/09/2001	Nữ	6,5	4,6	5,6				
7	116019199	Phan Minh	Phụng	16/07/2001	Nam	7,5	6,2	6,9				
8	116019204	Vi Tú	Phương	16/09/2001	Nữ	7,0	5,2	6,1				
9	116019210	Ngô Thị Thúy	Quyên	29/11/2001	Nữ	7,5	7,8	7,7				
10	116019217	Trần Nhật	Tân	26/11/2001	Nam	7,5	7,8	7,7				
11	116019225	Huỳnh Đức	Thắng	04/04/2001	Nam	7,5	6,2	6,9				
12	116019229	Nguyễn Thị Nhã	Thơ	19/10/2001	Nữ	8,5	6,6	7,6				
13	116019237	Hồ Thị Anh	Thư	31/08/2001	Nữ	9,0	7,4	8,2				
14	116019294	Nguyễn Phan Tường	Vi	23/02/2001	Nữ	7,5	6,8	7,2				
15	116019306	Nguyễn Mai	Xuân	01/09/2001	Nữ	5,5	4,6	5,1				
16	116019307	Nguyễn Thị Như	Ý	05/10/2001	Nữ	7,0	5,4	6,2				
17	116019384	Võ Phụng	Anh	09/12/2001	Nữ	4,5	4,6	4,6				
18	116019390	Nguyễn Đình Đề Tuấn	Bảng	10/12/2000	Nam	5,0	7,4	6,2				
19	116019393	Nguyễn Ngọc Yến	Khoa	11/05/2001	Nữ	6,5	7,8	7,2				
20	116019394	Trần Thị Kiều	Trinh	27/07/2001	Nữ	6,5	6,4	6,5				
21	116019403	Nguyễn Khánh	Duy	06/12/2001	Nam	5,5	6,0	5,8				
22	116019404	Phan Duy	Toàn	24/08/2000	Nam	4,0	5,2	4,6				
23	116019412	Châu Tú	Nhi	25/10/2001	Nữ	9,5	7,4	8,5				
24	116019418	Nguyễn Ngọc Hoàng	Anh	29/09/2001	Nam	7,5	6,0	6,8				
25	116019422	Lý Nhật	Minh	01/01/2001	Nữ	8,0	6,8	7,4				
26	116019428	Võ Minh	Trí	27/01/2001	Nam	5,5	8,0	6,8				

Tổng số sv, hs trên danh sách: 26

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 26

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 26

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 03 năm 2022

Cán bộ coi thi 1:.....

Thạch Thị Bố Pha

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ ghi điểm:.....

Ngô Thiên Thúy

Cán bộ kiểm tra:.....

D71.112

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

Thùy Huyên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
KHOA Y - DƯỢC

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Học phần Sinh lý bệnh - Miễn dịch (650547)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA19YKE

CBGD: Tào Gia Phú (00604)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 01 / 03 / 2022

Phòng thi: D71.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	116019276	Lê Nguyễn Huyền	Trân	03/01/2001	Nữ	8,5	5,6	7,1				
2	116019279	Nguyễn Lê Mai	Trinh	05/09/2001	Nữ	6,0	5,8	5,9				
3	116019280	Nguyễn Thị Mai	Trinh	14/04/2001	Nữ	5,0	7,4	6,2				
4	116019287	Huỳnh Thanh	Tùng	04/09/2001	Nam	8,5	8,4	8,5				
5	116019288	Phạm Dương	Tùng	26/06/1999	Nam	8,0	8,8	8,4				
6	116019289	Lê Nhã	Uyên	09/11/2001	Nữ	8,5	5,4	7,0				
7	116019290	Nguyễn Hoàng Khánh	Uyên	07/02/2001	Nữ	6,0	7,2	6,6				
8	116019300	Lê Huỳnh Cẩm	Vy	04/04/2001	Nữ	7,0	6,6	6,8				
9	116019301	Lê Thị Cẩm	Vy	29/10/2000	Nữ	5,5	/	/				Vắng
10	116019302	Ngô Tường	Vy	07/06/2001	Nữ	8,5	9,0	8,8				
11	116019303	Trần Khánh	Vy	26/09/2001	Nữ	7,0	9,0	8,0				
12	116019305	Lê Ngọc	Xuân	05/03/2001	Nữ	5,0	7,4	6,2				
13	116019383	Phan Huỳnh Anh	Tuấn	31/08/2001	Nam	6,5	7,4	7,0				
14	116019387	Trương Thúy	Vy	18/10/2001	Nữ	7,5	6,2	6,9				
15	116019388	Nguyễn Thanh Nhật	Trí	14/12/2001	Nam	7,5	7,0	7,3				
16	116019396	Nguyễn Thái	Bằng	04/07/2001	Nam	6,5	5,8	6,2				
17	116019398	Trần Nguyễn Như	Ngọc	27/01/2001	Nữ	7,0	8,4	7,7				
18	116019399	Hồ Nguyễn Minh	Trang	28/09/2001	Nữ	7,5	8,4	8,0				
19	116019405	Phạm Ngọc	Thoại	15/03/2001	Nam	6,5	7,4	7,0				
20	116019407	Đỗ Uyên	Phương	24/06/2001	Nữ	9,0	7,0	8,0				
21	116019410	Châu Vạn	Phúc	20/08/2000	Nam	7,5	6,2	6,9				
22	116019413	Nguyễn Minh	Quy	18/08/1995	Nam	7,5	7,0	7,3				
23	116019414	Nguyễn Bùi Hữu	Nghi	26/08/2001	Nam	7,5	6,6	7,1				
24	116019417	Ngô Lý Thiên	Kim	14/05/2001	Nữ	8,0	6,8	7,4				
25	116019430	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	19/05/2000	Nữ	4,5	6,2	5,4				

Tổng số sv, hs trên danh sách: 25

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 24

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 03 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Thùy Huyên

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:

D71 112

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
KHOA Y - DƯỢC

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Học phần Sinh lý bệnh - Miễn dịch (650547)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (05 -)/DA19YKD
CBGD: Tô Kim Phượng (00889)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 01 / 03 / 2022
Phòng thi: D71. 112

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	116019433	Đinh Nguyên	Phương	18/11/2001	Nữ	7,0	6,2	6,6				

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....
Tổng số tờ: 1

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 03 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Thúy Huyền

Cán bộ ghi điểm: Ngô Trần Thanh

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Thúy Huyền

C11.204

D71.113

ĐGMH_BM 1a

Vũ T. Đào

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH KHOA Y - DƯỢC

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần - Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2020 – 2021

Học phần Sinh lý bệnh - Miễn dịch (650547)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA19YKE

CBGD: Tào Gia Phú (00604)

Hình thức đánh giá:.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 1/3/2022

Phòng thi: D71.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	116019003	Tô Thị Ngọc	Hương	08/11/2000	Nữ	8,0	5,2	6,6				
2	116019005	Thạch Sóc Sa	Rây	03/09/2000	Nam	4,5	5,8	5,2				
3	116019007	Nguyễn Mai	Anh	02/12/2000	Nữ	8,0	4,8	6,4				
4	116019012	Tô Thị Hồng	Hoa	13/10/1999	Nữ	7,5	6,6	7,1				
5	116019013	Nguyễn Thị Bé	Như	24/03/2000	Nữ	6,0	5,8	5,9				0,00
6	116019015	Thạch Yến	Nhi	01/10/2000	Nữ	7,0	5,2	6,1				
7	116019030	Vương Lý	Bạch	29/04/2001	Nữ	6,0	5,4	5,7				
8	116019034	Lâm Khánh	Băng	20/08/2001	Nam	8,0	7,6	7,8				
9	116019053	Nguyễn Thúy	Duy	01/01/2001	Nữ	5,5	6,0	5,8				
10	116019123	Thổ Thị Kim	Loan	26/06/2001	Nữ	8,5	5,4	7,0				
11	116019143	Trần Thiện	Mỹ	02/02/2001	Nữ	9,0	8,8	8,9				
12	116019145	Nguyễn Hoàng	Nam	02/08/2001	Nam	8,0	7,8	7,9				
13	116019155	Lê Thị Hồng	Ngọc	18/01/2001	Nữ	5,5	6,4	6,0				
14	116019219	Lê Phạm Thiên	Thanh	12/12/2000	Nữ	7,5	6,2	6,9				
15	116019232	Nguyễn Thị Mộng	Thu	27/11/1996	Nữ	6,5	7,4	7,0				
16	116019238	Huỳnh Minh	Thư	28/01/2001	Nữ	5,5	5,0	5,3				
17	116019244	Trương Thị Anh	Thư	14/05/2001	Nữ	8,0	6,8	7,4				
18	116019247	Trần Thị	Thy	26/01/2000	Nữ	8,0	5,8	6,9				
19	116019258	Võ Chí	Toàn	24/06/2001	Nam	8,5	8,6	8,6				
20	116019260	Ngô Thanh Mỹ	Trà	29/12/2001	Nữ	6,5	6,2	6,4				
21	116019261	Nguyễn Thị Thùy	Trang	14/08/2001	Nữ	8,0	6,4	7,2				
22	116019270	Lý Thị Ngọc	Trâm	30/09/2001	Nữ	7,0	6,0	6,5				
23	116019272	Trần Thị Bích	Trâm	11/08/2001	Nữ	5,0	4,6	4,8				
24	116019273	Võ Thị Ngọc	Trâm	23/09/2001	Nữ	7,0	7,0	7,0				
25	116019274	Võ Hải Ngọc	Trầm	25/09/2000	Nữ	8,0	6,4	7,2				
26	116019275	Diệp Mỹ	Trân	22/08/2001	Nữ	8,0	6,6	7,3				

Tổng số sv, hs trên danh sách: 26

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 26

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 03 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Vũ Thị Đào

Cán bộ ghi điểm: Võ Thiên Thịnh

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:

Ngày in : 01/03/2022 10:29

C.11.204

ĐGMH_BM 1a

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
KHOA Y - DƯỢC

16 Như

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Học phần Sinh lý bệnh - Miễn dịch (650547)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/VA20YK

CBGD: Tào Gia Phú (00604)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 01 / 03 / 2022

Phòng thi: C71.204

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	116020307	Trần Thị Mộng	Trinh	26/11/1970	Nữ	6,0	4,2	5,1				0,00

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: /

Tổng số tờ: /

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 03 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Huỳnh Thị Như

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Trần Thanh

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: NLCTBau

C71 204

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
KHOA Y - DƯỢC

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Học phần Sinh lý bệnh - Miễn dịch (650547)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (05 -)/DA20YKD

CBGD: Tô Kim Phượng (00889)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 01 / 03 / 2022

Phòng thi: C71. 204

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	116020815	Nguyễn Đăng	Khoa	16/11/1993	Nam	6,5	5,6	6,1			Liên Thông	0,00

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: /

Tổng số tờ: /

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 03 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Phạm Huỳnh Tố Như

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Đăng Khoa

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Phạm Huỳnh Tố Như

C71 204

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
KHOA Y - DƯỢC

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Học phần Sinh lý bệnh - Miễn dịch (650547)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (04 -)/DA20YKF
CBGD: Tào Gia Phú (00604)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 01 / 03 / 2022
Phòng thi: C71.204

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	116020223	Lưu Hồng Quân	02/12/1987	Nam	5,5	6,2	5,9			Liên Thông	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: /
Tổng số tờ: /

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 03 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Huỳnh Tô Như

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Thanh

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Như Thuý